

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

Bản án số: 86/2025/HS-ST
Ngày 26 - 9 - 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bàn Thị Ba và bà Phùng Thị Thương.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Âu Bá Lăng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (cơ sở 2), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Giàng Mí P theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (cơ sở 2), đối với bị cáo:

- *Họ và tên:* Giàng Mí P, sinh năm 1995 tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang; căn cước công dân số: xxxxxxxxx094 do Cục CSQLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 20/01/2022; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn 04/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Chìa S1, sinh năm 1971 và bà Hờ Thị K1 sinh năm 1978; có vợ là Sùng Thị S2, sinh năm 2000 và 03 con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Xuân G - Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (cơ sở 2); có mặt;

- *Người làm chứng:* Các anh, chị: Giàng Mí D, sinh năm 2006; Hờ Thị D1, sinh năm 1980; Giàng Nhìa T, sinh năm 1984; Thào Mí S, sinh năm 1993; Có mặt; Giàng Mí V, sinh năm 1995; Vắng mặt

- *Người phiên dịch:* Ông Vừ Mí C. Địa chỉ: Thôn M1, xã P, tỉnh Tuyên Quang; có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ với nhau từ trước, khoảng tháng 3/2024 Giàng Thị C2 (là con gái của ông Giàng Sìa C1, bà Giàng Thị G1, trú tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; trước đây sinh sống cùng thôn với P, hiện tại C2 đang sinh sống tại Trung Quốc, không rõ địa chỉ), gọi điện qua ứng dụng Zalo cho Giàng Mí P, sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang cũ, nay là thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang nói là bạn C2 ở Trung Quốc cần người làm thuê, đề nghị P đi tìm người đi Trung Quốc làm thuê cho người này, công việc đào hố, bón phân và trồng cây, tiền công là 160CNY (một trăm sáu mươi nhân dân tệ)/01 ngày, P đồng ý.

Khoảng 03 đến 04 ngày sau, Giàng Mí P gặp Giàng Mí V, sinh năm 1995, trú cùng thôn với P, khi gặp P rủ V đi Trung Quốc làm thuê, P nói: chị C2 gọi điện thoại nói là đang cần người làm thuê ở Trung Quốc, nếu đi thì đi cùng P, công việc phát cỏ, đào hố, bón phân, trồng cây, tiền công 160CNY/01 ngày, V đồng ý và yêu cầu được ứng trước tiền công lao động, P nói để hỏi lại C2 đã, rồi đi về, trên đường về P gặp Thào Mí C3, sinh năm 1993 (anh rể V), trú tại thôn P1, xã DG, huyện Y, tỉnh Hà Giang (nay là xã DG, tỉnh Tuyên Quang), khi nói chuyện với nhau P tiếp tục rủ C3 đi Trung Quốc làm thuê như đã nói với V ở trên, C3 đồng ý đi Trung Quốc làm thuê cùng P và cũng yêu cầu được ứng trước tiền công lao động. Sau khi gặp C3, P tiếp tục đến nhà Giàng Mí D, sinh năm 2006, trú tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang), với mục đích rủ D Trung Quốc làm thuê, tại nhà D, P gặp D và mẹ đẻ của D tên Hờ Thị D1, P đã nói lại nội dung như đã nói với Giàng Mí V và Giàng Mí C3 trước đó. D đồng ý đi Trung Quốc làm thuê và cũng đề nghị được ứng trước tiền công lao động.

Sau khi có 03 người là Giàng Mí V, Thào Mí C3, Giàng Mí D đồng ý cùng P đi Trung Quốc làm thuê, P gọi điện thoại cho C2 thông báo có 04 người ((trong đó có cả P) đi Trung Quốc làm thuê, nhưng đều yêu cầu được ứng trước tiền công lao động. Sau đó C2 gọi điện thoại cho P thông báo cho P biết bạn của C2 đồng ý cho mỗi người ứng trước 1000CNY (một nghìn nhân dân tệ), C2 sẽ nhờ người gửi tiền vào tài khoản của Thào Mí S, sinh năm 1993, trú tại thôn B1, M, B, Hà Giang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang), để P nhận và đưa cho những người đi làm thuê ứng trước. Khoảng 01 đến 02 ngày sau, P gọi điện thoại cho Thào Mí S, S cho biết đã nhận được tiền của C2 chuyển cho Sèo, hiện tại S đang giao hàng tại chợ xã DG, Y, Hà Giang, nếu cần thì đến đó lấy. Sau đó P và V đến chợ xã DG, Y, tại đây S đưa cho P khoảng 16.500.000 đồng, tương ứng 5000CNY (năm nghìn nhân dân tệ). Sau khi nhận tiền P đưa cho S 40.000đ; P, C3, D, V mỗi người ứng 1.000 nhân dân tệ, tương đương 3.300.000 đồng, số tiền còn lại là 1000 nhân dân tệ, tương đương 3.300.000 đồng C2 bảo P đưa cho bố mẹ của C2 2.600.000 đồng, còn lại 700.000 đồng P giữ để chi phí đi đường.

Khoảng 07 giờ ngày 06/02/2024 âm lịch, C2 gọi điện thoại qua Zalo cho Giàng Mí P nói C2 gửi tên ních Zalo bạn của C2 là chủ thuê lao động người Trung Quốc cho P để kết bạn nói chuyện thống nhất địa điểm đón người. Sau đó Giàng Mí P kết bạn Zalo với bạn của C2 (*tên ních Zalo là chữ Trung Quốc, hiện tại ních này đã xóa kết bạn với P*), P gọi có giọng nói đàn ông nói tiếng dân tộc Mông bảo P ngày 08/02/2024 âm lịch, tức ngày 17/3/2024 dương lịch thì đưa người sang Trung Quốc, người này sẽ đến biên giới giáp với xã SV, huyện M2 để đón tại khu vực hàng rào biên giới có 01 con suối có nước chảy, có hàng rào biên giới ngăn qua dòng suối, nước suối chảy to nên hàng rào bị bung hỏng thì sẽ đi qua đó được, P đồng ý. Sau đó Giàng Mí P đến nhà Giàng Mí V bảo V khoảng 01 đến 02 giờ ngày 08/02/2024 âm lịch đến nhà P để P chở đi, rồi đi về nhà tiếp tục gọi điện thoại bảo Vàng Mí C3, Giàng Mí D khoảng 01 đến 02 giờ sáng ngày ngày 08/02/2024 âm lịch tập trung tại nhà P để đi, ai đi thì tự tìm xe mô tô để chở đi.

Khoảng 03 giờ ngày 08/02/2024 âm lịch, tức ngày 14/3/2024 dương lịch Giàng Mí V đến nhà P, Hầu Mí S1 được ông Giàng Nhè T là bố của Giàng Mí D nhờ sử dụng xe mô tô BKS 23H-3319 của S1 chở Giàng Mí D đến nhà P, khoảng đến 04 giờ cùng ngày thì xuất phát từ nhà P đi, trước khi đi P gọi điện thoại cho Vàng Mí C3 nhưng không gọi được nên C3 không đi. P sử dụng xe mô tô của P chở Giàng Mí V đi trước (*loại xe We nhãn hiệu HONDA, màu trắng đen, P không nhớ biển kiểm soát, do P mua lại xe cũ của một người tại chợ xã DG, Y, không biết tên địa chỉ với giá 5.000.000 đồng, khoảng tháng 12/2024 âm lịch P đã bán xe mô tô này tại chợ xã DG, Y cho một người không biết tên và địa chỉ với giá 2.000.000 đồng*), Hầu Mí S1 sử dụng xe mô tô chở Giàng Mí D đi theo sau P, cùng đi qua xã DG, huyện Y đến trung tâm huyện M2 rồi tiếp tục đi theo hướng đến đến UBND xã SV, đến địa phận thôn L, xã SV phía bên trái đường có 01 đường mòn (*đường đất*) thì rẽ trái đi theo con đường này khoảng 500 mét thì dừng lại, lúc này khoảng hơn 09 giờ cùng ngày, P bảo V, D cứ đi bộ theo đường mòn này đi qua biên giới sang Trung Quốc sẽ có người đón, sau đó Giàng Mí P và Hầu Mí S1 quay về.

Sau khi vượt biên giới, V và D được chủ thuê lao động người Trung Quốc đón, đưa đến nơi làm thuê. Tại đây V, D được giao công việc đào hố, bón phân, trồng cây, tiền công là 160CNY (*một trăm sáu mươi nhân dân tệ*)/01 ngày, đến ngày 19/12/2024 âm lịch, tức ngày 17/01/2025 dương lịch thì V và D tự quay về Việt Nam, do không nhận được đầy đủ tiền công lao động nên sau khi quay về V, D đã nhiều lần yêu cầu P phải có trách nhiệm đòi số tiền công cho V và D nhưng không có kết quả nên ngày 07/5/2025, D đã làm đơn tố giác hành vi tổ chức người khác trốn đi nước ngoài của P đến Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Hà Giang.

Từ căn cứ trên, Cáo trạng số: 89/CT- VKSTQ-P1 ngày 09/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Giàng Mí P về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Giàng Mí P đã khai nhận toàn bộ hành vi tổ chức 01 lần cho 02 công dân Việt Nam vượt qua hàng rào biên giới thuộc khu vực xã SV, tỉnh Tuyên Quang trốn sang Trung Quốc để làm thuê.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người được bị cáo tổ chức cho họ trốn qua biên giới sang Trung Quốc làm thuê và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản nhận dạng và bản ảnh nhận dạng; Biên bản, bản ảnh, sơ đồ hiện trường; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Giàng Mí P phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s, điểm t khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Mí P từ 01 năm đến đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt (ngày 30/5/2025). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền do bị cáo phạm tội mà có là 1.089.000 đồng chi phí đưa đón người. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn giảm án phí.

Tại phần tranh luận, ông Nguyễn Xuân G - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho bị cáo, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo P mức hình phạt là mức khởi điểm khung hình phạt là 01 năm tù. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo P.

Bị cáo P: Nhất trí với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, không có ý kiến bổ sung, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Lời sau cùng, bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xử phạt mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với vợ con, gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tổ tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Hà Giang (nay là Công an tỉnh Tuyên Quang), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang (nay là VKSND tỉnh Tuyên Quang), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa bị cáo, người bào chữa, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Giàng Mí V, xét thấy người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không bị ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Căn cứ các Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt đối với bị cáo Giàng Mí P: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo P khai nhận: Do có quan hệ anh em họ hàng với Giàng Thị C2 (hiện đang sinh sống tại Trung Quốc), hai người thỉnh thoảng có liên lạc với nhau qua Zalo. Vào khoảng tháng 3/2024 C2 đã gọi điện cho bị cáo và bảo bị cáo tìm người vượt biên giới Việt Nam bằng đường tiểu ngạch để sang Trung Quốc với mục đích làm thuê cho Vương Văn Bang (là người Trung Quốc) với tiền công 160 NDT/ngày, không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định, bị cáo P đã nhận lời, cụ thể: Vào ngày 17/3/2024 bị cáo có hành vi tổ chức đưa anh Giàng Mí D và anh Giàng Mí V vượt biên giới trái phép qua khu vực hàng rào biên giới thuộc xã SV, tỉnh Tuyên Quang sang Trung Quốc làm thuê cho ông chủ tên là Vương Văn Bang, theo sự hướng dẫn của Giàng Thị C2 (*không rõ năm sinh, địa chỉ cụ thể đang sinh sống tại Trung Quốc*). Bị cáo được Giàng Thị C2 chuyển tiền qua tài khoản của Thảo Mí S 5.000 nhân dân tệ (tương đương 16.929.000 đồng), trong đó bị cáo đưa cho S 40.000đ; trả tiền ứng trước cho các anh V, D, C3 mỗi người 1.000 nhân dân tệ, bản thân bị cáo cùng tự ứng 1000 nhân dân tệ (*tương đương 3.300.000 Việt Nam đồng/ người*). Ngoài ra bị cáo đưa cho gia đình của Giàng Thị C2 theo sự hướng dẫn của C2 là 2.600.000. Số tiền còn lại bị cáo được hưởng lợi là 1.089.000đ là tiền chi phí đưa đón người. Đến ngày 17/01/2025 thì anh V và anh D tự quay về Việt Nam, do không nhận được đầy đủ tiền công nên anh V và anh D đã nhiều lần yêu cầu P phải có trách nhiệm, nhưng không có kết quả nên ngày 07/5/2025 anh D đã làm đơn tố giác hành vi tổ chức người khác trốn đi nước ngoài của bị cáo đến Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Hà Giang.

[4] Căn cứ đoạn [3] xét thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật hình sự, ai vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm. Tuy nhiên, chỉ vì vụ lợi, coi thường pháp luật bị cáo đã tổ chức đưa 02 người (anh D và anh V) vượt qua hàng rào biên giới thuộc khu vực xã SV, tỉnh Tuyên Quang sang Trung Quốc. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*" theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù như Cáo trạng của Viện kiểm sát ND tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo Giàng Mí P là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp tới trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây mất trật tự trị an tại địa phương và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới giữa 02 nước Việt Nam - Trung Quốc. Việc bị cáo tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài nhằm mục đích để họ lao động làm thuê, không có sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứa đựng nguy cơ tiềm ẩn, phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Giàng Mí P có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo. Bị cáo tích cực hợp tác giúp cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, HĐXX thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam trong một thời hạn nhất định, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo; không có công việc ổn định, nghề nghiệp chính là làm nương, thu nhập thấp, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đồng thuận với nhận định của HĐXX được chấp nhận; Đối với đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức hình phạt khởi điểm là 01 năm tù. HĐXX xét thấy chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được chấp nhận.

[11] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, xác định bị cáo đã tự trích 1.000NDT (tương đương với 3.300.000đ) từ tiền của C2 gửi qua S về cho bị cáo là do bị cáo cũng có ý định cùng đi sang Trung Quốc làm thuê nên bị cáo cũng ứng tiền công lao động nên không xem xét, còn đối với số 1.089.000 đồng chi phí đưa đón người và chi tiêu cá nhân bị cáo cũng lấy từ số tiền C2 chuyển về nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn

án phí. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[13] Đối với chủ thuê lao động là người Trung Quốc theo bị cáo, anh V, anh D khai tên là Vàng Chử Mua và Giàng Thị Chở (tức Giàng Thị C2): quá trình điều tra, Cơ quan An ninh Điều tra xác định người đàn ông Trung Quốc có tên Vàng Chử Mua thực tế là Vương Văn Bang, sinh ngày 15/01/1996, giới tính nam, dân tộc Mông, trú tại Tiểu tổ thôn Can Đường, ủy ban thôn Mộc Thụ, trấn Mộc Ương, Châu tự trị dân tộc Mông, dân tộc Choang Châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Ngày 23/6/2025, Phòng An ninh Điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã có Công văn số 529/ANĐT-ĐT và Hàm thư số 15/HT ngày 25/6/2025 gửi Cục Công an Phú Ninh, Châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc đề phối hợp xác minh nhân thân, lai lịch và đề nghị xử lý hành vi của Giàng Thị C2, Vương Văn Bang câu kết với Giàng Mí P đưa Giàng Mí V, Giàng Mí D xuất, nhập cảnh trái phép vào Trung Quốc theo pháp luật Trung Quốc là có căn cứ nên HĐXX, không xem xét xử lý trong vụ án này.

[14] Đối với hành vi Giàng Mí D và Giàng Mí V được Giàng Mí P tổ chức đưa đi Trung Quốc làm thuê, sau đó tự quay về Việt Nam. Quá trình làm việc với Cơ quan Công an V và D khai nhận đi Trung Quốc với mục đích làm thuê, không có mục đích gì khác, khi đi Trung Quốc thì V và D không có giấy tờ hợp pháp, đã nhận thức được hành vi vượt biên giới trái phép đi Trung Quốc làm thuê là vi phạm pháp luật. Hành vi xuất cảnh trái phép của V và D đã vi phạm điểm a, khoản 3, điều 18, Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên hành vi xuất cảnh trái phép của D và V xảy ra từ ngày 18/ 3/2024, tính đến thời điểm Giàng Mí P bị tố giác ngày 07/5/2025 đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên Cơ quan An ninh Điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ. Đối với hành vi V và D nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam ngày 19/12/2024 âm lịch (tức ngày 17/01/2025 dương lịch), hành vi nhập cảnh trái phép của V và D đã vi phạm điểm a, khoản 3, điều 18, Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình nên Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã ban hành văn bản đề nghị Trưởng Công an xã SV, tỉnh Tuyên Quang ra quyết định xử phạt hành chính đối với V và D là đúng theo quy định.

[15] Đối với Hầu Mí Sò: Căn cứ các tài liệu thu thập được thể hiện, do có mối quan hệ quen biết là hàng xóm sinh sống cùng nhau nên anh S1 được bố của bị cáo D là ông Giàng Nhè T nhờ sử dụng xe mô tô BKS 23H8-3319 chở Giàng Mí D đi từ nhà D đến địa phận thuộc thôn L, xã SV, tỉnh Tuyên Quang. Anh S1 không được hưởng lợi gì từ việc chở D đi, không biết mục đích D đi Trung Quốc làm thuê. Giữa anh S1 và P không được trao đổi, bàn bạc gì về việc đưa D đi

Trung Quốc lao động làm thuê. Do vậy Cơ quan An ninh điều tra không xem xét về hình sự đối với anh S1 trong vụ án này là đúng quy định.

[16] Đối với anh Thào Mí C3: Căn cứ các tài liệu thu thập được, anh C3 đã được nhận 3.300.000đ ứng trước là tiền công lao động từ Giàng Mí P nhưng anh C3 không được Giàng Mí P tổ chức đưa đi Trung Quốc làm thuê. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không xem xét hành vi của C3 trong vụ án này là có căn cứ.

[17] Đối với anh Thào Mí S, sinh năm 1993, trú tại thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang, vào hồi 13 giờ 11 phút 56 giây ngày 14/3/2024, anh S nhận được điện thoại di động có người gọi nhờ chuyển tiền qua tài khoản của S để rút tiền gửi về cho Giàng Mí P với số tiền 16.929.000 đồng, tương đương 5.000 nhân dân tệ từ số tài khoản 8801649841, chủ tài khoản tên Lê Thị Phương Thảo, sinh năm 1996, trú tại Lô 100, MBQH89, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, quá trình điều tra xác định anh S làm nghề buôn bán hàng hóa, thường xuyên nhận chuyển tiền qua tài khoản của các công dân trong xã M, tỉnh Tuyên Quang từ các tỉnh, thành trong nước nhờ chuyển tiền qua tài khoản để rút tiền mặt về cho gia đình để được hưởng lợi tiền phí chuyển khoản, ngày 14/3/2024, sau khi đưa cho P số tiền 16.929.000 đồng, P có trả công cho S 40.000 đồng tiền phí chuyển khoản, còn chị Lê Thị Phương Thảo khai nhận trước đây làm nghề kinh doanh buôn bán thường xuyên chuyển tiền hàng cho đối tác, chị Thảo không nhớ được số tiền 16.929.000 đồng do ai nhờ chuyển khoản cho anh S, giữa chị Thảo và anh S và bị cáo P không được trao đổi, bàn bạc gì liên quan đến việc bị cáo P tổ chức cho anh D và anh V vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê vào ngày 17/3/2024 nên Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang chưa có đủ căn cứ để xem xét, xử lý anh S và chị Thảo trong vụ án này là có căn cứ.

[18] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng Mí P phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Giàng Mí P 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 30/5/2025;

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo P.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền do bị cáo phạm tội mà có

(thu lợi bất chính) là 1.089.000đ.

4. Án phí hình sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 14; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Mí P.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Giàng Mí P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện công tố và KS XX PT tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- PC01, PV06, PA09 Công an tỉnh;
- Trại Tạm giam số 2 Công an tỉnh;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Phòng GDKT, TT&THA - TAND tỉnh;
- Tổ HCTP;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân